

Số: /HD-SLĐTBXH

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025 do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG);

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg, ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (CTMTQGGNBV) giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc CTMTQGGNBV giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQGGNBV giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc CTMTQGGNBV giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC, ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện CTMTQGGNBV giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 650/QĐ-LĐTBXH ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt Kế hoạch truyền thông về CTMTQGGNBV giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 47-NQ/TU ngày 09/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn triển khai thực hiện các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025 do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, cụ thể như sau:

I. DỰ ÁN 1- HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC HUYỆN NGHÈO

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

- **Đối tượng:** các huyện Văn Quan, Bình Gia

- **Nội dung hỗ trợ:** đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn các huyện Văn Quan, Bình Gia. Cụ thể:

+ Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

- . Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất;
- . Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;
- . Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;
- . Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- . Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;
- . Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;

. Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Công trình đầu tư phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội

cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển.

Công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

- Hỗ trợ và duy tu bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo: thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6 Thông tư số 46/2022/TT-BTC, ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện CTMTQGGNBV giai đoạn 2021-2025.

2. Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

- Đối tượng: Huyện Văn Quan (Theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025).

- Nội dung hỗ trợ: Đầu tư trọng tâm, trọng điểm một số công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) nhằm tạo sự đột phá, thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân theo Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025. Hỗ trợ bổ sung trực tiếp nội dung sau: Hỗ trợ đầu tư trọng tâm, trọng điểm và duy tu, bảo dưỡng một số công trình giao thông liên xã trên địa bàn huyện nghèo phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa nhằm tạo sự đột phá, tạo động lực phát triển, tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân.

II. DỰ ÁN 2 – ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

1. Đối tượng hỗ trợ

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi tỉnh Lạng Sơn; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. *Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;*

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. *Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện;*

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo

2. Phương thức, nguyên tắc hỗ trợ

2.1. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thực hiện theo dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù.

2.2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án.

b) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Phù hợp với lợi thế so sánh, thế mạnh của từng vùng, miền; phù hợp với nhu cầu thị trường và bảo đảm tính hiệu quả bền vững.

d) Phù hợp với điều kiện, đặc điểm, nhu cầu của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

đ) Ưu tiên hỗ trợ tham gia dự án mô hình giảm nghèo đối với người lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo và hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện dự án mô hình giảm nghèo.

e) Ưu tiên hỗ trợ dự án mô hình giảm nghèo thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo.

g) Bảo vệ môi trường.

h) Thời gian thực hiện mỗi dự án tối đa 3 năm.

3. Nội dung hỗ trợ

3.1. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

3.2. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

3.3. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

3.4. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

3.5. Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3.6. Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

3.7. Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

3.8. Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

3.9. Xây dựng, quản lý dự án.

4. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

4.1. Điều kiện hỗ trợ dự án

a) Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

b) Đơn vị chủ trì liên kết¹ và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

c) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định: Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các

¹ Đơn vị chủ trì liên kết là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

4.2. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án

a) Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan chủ quản chương trình.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Đơn vị chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến cơ quan chủ quản chương trình xem xét, thẩm định.

Cơ quan chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm 4.1 và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

d) Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ quản chương trình quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan chủ quản chương trình phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.3. *Nội dung hỗ trợ*: Thực hiện theo các điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5 và 3.9 tại mục 3 hướng dẫn này.

4.4. *Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ*: theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư số 46/2022/TT-BTC:

a) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

4.5. *Tổ chức thực hiện dự án*

a) Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện dự án:

Thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) và các đối tượng khác có liên quan được tham gia dự án.

Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết dự án với cơ quan chủ quản chương trình theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị cơ quan chủ quản chương trình các nội dung vướng mắc liên quan.

b) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

5.1. Điều kiện hỗ trợ dự án

a) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định: Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

d) Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phân đối ứng thực hiện dự án.

5.2. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án

Phương pháp lập kế hoạch thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng đảm bảo theo quy định tại Điều 8 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các

chương trình mục tiêu quốc gia về phương pháp lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng.

a) Bước 1: Xây dựng dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án theo Mẫu số 02 kèm theo Hướng dẫn này và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.

Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm: Biên bản họp dân; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình

thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

d) Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.3. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo các điểm 3.2, 3.3, 3.4, 3.6, 3.7, 3.8 và 3.9 tại mục 3 hướng dẫn này.

5.4. Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ: theo quy định tại khoản 2, Điều 10 Thông tư số 46/2022/TT-BTC:

a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.

5.5. Tổ chức thực hiện dự án

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án.

b) Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Mẫu số 05 kèm theo Hướng dẫn này.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

d) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, phương án sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

5.6. Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng (thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP):

a) Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

b) Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án, phương án quyết toán chi ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước của dự án theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển của cộng đồng.

d) Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền hoặc hiện vật để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn bằng tiền hoặc bán hiện vật thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị mở tại kho bạc nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

6. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

6.1. Điều kiện hỗ trợ dự án

a) Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

b) Tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

6.2. Xây dựng, phê duyệt dự án

a) Cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo Mẫu số 03 kèm theo Hướng dẫn này; trình Thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí quyết định phê duyệt dự án.

b) Cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ.

6.3. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo các nội dung tại mục 3 hướng dẫn này.

6.4. Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ

Theo quy định Điều 11, Thông tư số 46/2022/TT-BTC: "Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao".

Theo quy định tại khoản 2, Điều 23, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP Quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thực hiện theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Theo quy định tại khoản 3, Điều 23, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia:

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng.

6.5. Tổ chức thực hiện dự án

a) Cơ quan, đơn vị nhận đặt hàng hoặc được giao nhiệm vụ phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện dự án:

Thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) và các đối tượng khác có liên quan được tham gia dự án.

Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu, tiến độ và hiệu quả.

Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết với cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo theo Mẫu số 05 kèm theo Hướng dẫn này.

Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, kịp thời kiến nghị cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo về các nội dung vướng mắc liên quan.

b) Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. DỰ ÁN 4- PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM BỀN VỮNG

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Nội dung các mức chi: thực hiện theo quy định tại Điều 16, Thông tư số 46/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính

Các nội dung khác Sở Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ hướng dẫn bổ sung sau khi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện.

2. Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2.1. Đối tượng hỗ trợ

- Người lao động cư trú trên địa bàn các huyện Văn Quan, Bình Gia có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030); ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

2.2. Phương thức hỗ trợ

2.2.1. Đối với hoạt động hỗ trợ người lao động thuộc các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài: Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp khi tuyển chọn lao động tại các các huyện nghèo phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội tại địa phương thực hiện hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thông qua cơ chế đấu thầu, đặt hàng với các cơ sở đào tạo nghề, ngoại ngữ, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Trường hợp người lao động đăng ký đi làm việc ở nước ngoài thông qua doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đã hoàn thành khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề, đủ điều kiện xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho người lao động. Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có trách nhiệm hỗ trợ người lao động cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ để nhận hỗ trợ.

2.2.2. Giới thiệu, tư vấn về đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động và thân nhân người lao động, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2.2.3. Đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

2.3. Nguyên tắc hỗ trợ

2.3.1. Hỗ trợ đúng đối tượng, nội dung hỗ trợ:

- Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện Văn Quan, Bình Gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm

cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện Văn Quan, Bình Gia.

2.3.2. Bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, dân chủ, bình đẳng giới.

2.4. Nội dung hỗ trợ

2.4.1. Người lao động thuộc hộ nghèo, người lao động là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Văn Quan, Bình Gia có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài:

- Đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Theo chi phí thực tế; tối đa theo mức quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg;

- Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ: Tối đa 4.000.000 đồng/người/khóa học;

- Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: 50.000 đồng/người/ngày;

- Hỗ trợ tiền ở trong thời gian đào tạo: 400.000 đồng/người/tháng;

- Hỗ trợ tiền trang cấp đồ dùng cá nhân (quần áo đồng phục, chăn, màn, giày dép...) mức 600.000 đồng/người;

- Chi phí làm thủ tục đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài:

+ Lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh: mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam;

+ Phí cung cấp lý lịch tư pháp: Mức chi cho đối tượng không được miễn phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

+ Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động;

+ Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

2.4. 2. Người lao động thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện Văn Quan, Bình Gia có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài:

+ Hỗ trợ tiền đào tạo nghề, bổ túc kỹ năng nghề theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg;

+ Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ theo chi phí thực tế tối đa bằng 70% và hỗ trợ các chi phí khác theo mức hỗ trợ đối với đối tượng người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện Văn Quan, Bình Gia **theo nội dung tại ý 2.4.1 nêu trên.**

2.4.3. Người lao động là người dân tộc Kinh đang sinh sống trên địa bàn huyện Văn Quan, Bình Gia được hỗ trợ tiền đào tạo nghề, bổ túc kỹ năng nghề theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg; hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ theo chi phí thực tế, tối đa bằng 50% và hỗ trợ các chi phí khác theo mức hỗ trợ đối với đối tượng người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo theo nội dung tại ý 2.4.1 nêu trên.

2.4.4. Người lao động khác đang sinh sống trên địa bàn huyện Văn Quan, Bình Gia có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Hỗ trợ tiền đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề.

2.4.5. Người lao động và thân nhân của người lao động thuộc các huyện Văn Quan, Bình Gia: Hỗ trợ giới thiệu, tư vấn để tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2.4.6. Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận: Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động.

IV. TIỂU DỰ ÁN 2. TRUYỀN THÔNG VỀ GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU THUỘC DỰ ÁN 6-TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN

1. Đối tượng

- Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Nội dung

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;
- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo- Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

3. Mức chi:

Thực hiện theo quy định tại Điều 22, Thông tư số 46/2022/TT-BTC, cụ thể:

- Chi xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo; xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; tổ chức đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

- Chi tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo:

- + Chi thuê địa điểm, bàn ghế, loa đài và các trang thiết bị cần thiết khác (nếu có): Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và phù hợp với phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

+ Chi nước uống cho đại biểu tham dự: Mức chi theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

+ Chi tài liệu (nếu có): Mức chi theo thực tế phát sinh và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

+ Chi thuê dẫn chương trình: Mức chi tối đa 2.000.000 đồng/người/ngày. Tùy theo quy mô, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức thuê dẫn chương trình phù hợp với phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

+ Chi biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Chi phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

V. DỰ ÁN 7- NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

1.1. Đối tượng

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

1.2. Nội dung

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

1.3. Mức chi:

Thực hiện theo quy định tại Điều 23, Thông tư số 46/2022/TT-BTC, cụ thể:

- Chi xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo (chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin); nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

- Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị về công tác giảm nghèo: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC; Thông tư số 71/2018/TT-BTC và Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 06 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

- Chi xây dựng, in ấn cẩm nang, sổ tay hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ và các loại sổ, sách, tài liệu chuyên môn khác phục vụ hoạt động của Chương trình, dự án, tiểu dự án: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

2.1. Đối tượng

- Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2.2. Nội dung thực hiện

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;
- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

2.3. Mức chi:

Thực hiện theo quy định tại Điều 24, Thông tư số 46/2022/TT-BTC, cụ thể:

- Chi xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm hệ thống các mục tiêu, chi tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và mức chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn các chương trình, đề án, kế hoạch tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.
- Chi rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; điều tra, rà soát, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC.
- Chi xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.
- Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, tiểu dự án định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (nếu có): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Đối với đoàn công tác kiểm tra, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác hoặc chủ chương trình (được bố trí kinh phí kiểm tra, giám sát, đánh giá) chịu trách nhiệm thanh toán chi phí cho chuyên công tác theo chế độ quy định (tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc) cho các thành viên trong Đoàn. Để tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác hoặc chủ chương trình thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác nguồn kinh phí kiểm tra, đánh giá và nêu rõ cơ quan, đơn vị cử người không phải thanh toán các khoản chi này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn.

Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm kết quả thực hiện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về toàn bộ hoạt động của dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo trên địa bàn.

Thông báo dự kiến vốn phân bổ đối với từng dự án để triển khai thực hiện dự án.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn.

Chỉ đạo phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu xây dựng kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn 2021-2025 thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo trên địa bàn gửi về Sở Lao động – Thương binh và xã hội tổng hợp theo quy định.

Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện về toàn bộ kết quả hoạt động và hiệu quả sử dụng vốn của các dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo trên địa bàn.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các tổ chức, cá nhân liên quan về các chủ trương, chính sách hỗ trợ các đối tượng quy định tham gia dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động góp phần giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

Triển khai thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn.

Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trên đây là Triển khai thực hiện các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025 do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện và các đơn vị liên quan phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Nông nghiệp & PTNT (PHCĐ);
- Ban Dân tộc tỉnh; Kho Bạc nhà nước tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng LĐ-TB&XH thành phố;
- Phòng LĐ,TB,XH-DT các huyện;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng: KH-TC, LĐVL-BHXH, GDNN;
- Lưu: VT, BTXHTE.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đàm Văn Chính

PHỤ LỤC**MẪU ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG DỰ ÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ****THỰC HIỆN DỰ ÁN GIẢM NGHÈO***(Kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng**Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Mẫu số 01	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 02	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 03	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ
Mẫu số 04	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù
Mẫu số 05	Đề cương báo cáo kết quả thực hiện dự án giảm nghèo
Mẫu số 06	Đề cương báo cáo tổng hợp về các dự án giảm nghèo

Mẫu số 01. Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN

1. Tên đơn vị đề xuất dự án (gồm: tên, địa chỉ, người đại diện, số CCCD hoặc CMND, số điện thoại liên lạc).
 2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):

 3. Đối tượng tham gia:
 4. Thời gian triển khai:
 5. Địa bàn thực hiện:
 6. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách):

 7. Nội dung:
 8. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:
 9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết:
 10. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):

 11. Tổ chức thực hiện dự án:
 12. Các nội dung liên quan khác
- (Có kèm bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị đề xuất dự án).

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02. Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN

- 1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
- 2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):
.....
- 3. Đối tượng tham gia:
- 4. Thời gian triển khai:
- 5. Địa bàn thực hiện:
- 6. Các hoạt động của dự án:
- 7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)):
- 8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):
- 9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:
- 10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):
- 11. Tổ chức thực hiện dự án:
- 12. Các nội dung liên quan khác

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03. Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN

1. Tên cơ quan, đơn vị đề xuất dự án:
2. Loại mô hình:
3. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến kết quả đầu ra và số hộ thoát nghèo):
4. Đối tượng tham gia:
.....
5. Thời gian triển khai:
6. Địa bàn thực hiện:
7. Nội dung:
.....
8. Kinh phí thực hiện:
.....
9. Kế hoạch triển khai:
10. Tổ chức thực hiện:
11. Các nội dung liên quan khác

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

	cây trồng, vật nuôi									
4	Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ									
5	Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm									
6	Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm									
7	Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả									
8	Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao									
9	Xây dựng, quản lý dự án giảm nghèo									
II	Dự án 2:									
									
III	Dự án 3									
									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HOẶC ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN
CƯ**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

